|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNHUYỆN AN DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN**

**SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG**

**VÀ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH QUẬN**

**TẠI HUYỆN AN DƯƠNG**

**Phần thứ nhất
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

*Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;*

*Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã và Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;*

*Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;*

*Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về phân loại đô thị;*

*Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;*

*Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;*

*Công văn số 262/UBTVQH14-PL ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;*

*Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;*

*Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;*

*Quyết định số 93/2003/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Hải Phòng là đô thị loại I;*

*Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Công văn số 6583/BNV-CQĐP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án thành lập quận thuộc thành phố Hải Phòng; Công văn số 3293/BNV-CQĐP ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện để mở rộng quận Hồng Bàng và thành lập quận An Dương thuộc thành phố Hải Phòng;*

*Thông báo số 580-TB/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về chủ trương xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính quận tại huyện An Dương;*

*Kết luận số 250-KL/TU ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng về điều chỉnh địa giới hành chính giữa quận Hồng Bàng và huyện An Dương;*

*Công văn số 777/UBND-NV ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính quận tại huyện An Dương;*

*Công văn 1614/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố về việc bổ sung nội dung Đề án thành lập ĐVHC quận tại huyện An Dương; Công văn 2461/UBND-KSTTHC ngày 09 tháng 10 năm 2023 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.*

## II. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP QUẬN AN DƯƠNG

**1. Sự cần thiết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã**

Thực hiện chủ trương, tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Trong quá trình xây dựng Đề án, Ủy ban nhân dân huyện An Dương đã tiến hành rà soát các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc nhằm đảm bảo theo các quy định hiện hành, đảm bảo sự đồng nhất của các đơn vị hành chính sau khi thực hiện sắp xếp về các yếu tố như: truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, quốc phòng, an ninh và hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội. Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã nhằm góp phần tinh giảm biên chế, tinh gọn bộ máy, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước; góp phần nâng cao đời sống, giá trị văn hóa truyền thống của quê hương, dân tộc; tạo động lực cho các đơn vị chủ động trong việc sắp xếp, bố trí cũng như nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cấp Ủy, Đảng, Chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh để phục vụ người dân tốt hơn và đã được đa số ý kiến người dân trên địa bàn đồng tình ủng hộ.

### 2. Sự cần thiết về việc thành lập quận An Dương

Huyện An Dương có 104,26 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 206.367 người; có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn và 15 xã. Huyện nằm về phía Tây Bắc của thành phố Hải Phòng, trên địa bàn huyện có nhiều tuyến đường giao thông trọng điểm đã tạo “đòn bẩy” thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với các khu vực quận Hồng Bàng, một phần huyện An Lão, huyện An Dương được định hướng nằm trong khu vực phát triển đô thị công nghiệp công nghệ cao, hình thành một khu dân dụng lớn và khu đào tạo, nghỉ dưỡng ở cửa ngõ thành phố[[1]](#footnote-1) về phía Tây, Tây Bắc. Sau nhiều năm phát triển kinh tế, thực hiện chủ trương thu hút đầu tư, đến nay hệ thống mạng lưới các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn huyện ngày càng phát triển như: KCN Tràng Duệ quy mô 401 ha, KCN Nomura quy mô 153 ha, KCN An Dương quy mô 209 ha,... bên cạnh đó, trong giai đoạn đến năm 2025, huyện An Dương dự kiến triển khai mở rộng quy mô KCN Tràng Duệ, hình thành KCN An Hưng - Đại Bản. Sự phát triển và hoạt động mạnh mẽ của các khu công nghiệp đã tạo ra nguồn việc làm ổn định, giải quyết nguồn lao động dư thừa và thu hút nguồn lao động từ các khu vực lân cận cũng như các chuyên gia nước ngoài về sinh sống và làm việc tại địa phương, góp phần quan trọng trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện. Đồng thời cũng thể hiện rõ quyết tâm của huyện trên chặng đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hơn nữa các KCN được xây dựng theo tiêu chí hiện đại, văn minh sẽ thu hút được những nhà đầu tư có tiềm lực kinh tế sẽ mang lại sự hấp dẫn, hiệu quả trên đà phát triển kinh tế - xã hội. Với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, các cấp chính quyền đã huy động mọi giải pháp, mọi nguồn lực, phát huy tối đa những tiềm năng, lợi thế sẵn có để phát triển kinh tế - xã hội,... cùng với sự đầu tư, mở rộng của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào các KCN, cụm công nghiệp trên địa bàn tạo điều kiện về việc làm, an sinh xã hội. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đang dần theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng; giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản; mức tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2020 - 2022 đạt 16,52%, cao hơn mức trung bình 03 năm của thành phố (11,84%).

Bên cạnh việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế được giao, huyện An Dương còn chú trọng, tập trung xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng nhằm thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư xây dựng và phát triển đô thị. Tăng cường nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa xã hội; đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe người dân; công tác thông tin tuyên truyền, vận động người dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được thực hiện tốt. Mạng lưới giao thông tương đối đồng bộ hoàn chỉnh, các tuyến đường được chỉnh trang với hệ thống chiếu sáng hiện đại đáp ứng được công năng đô thị. Những khu đô thị, khu dân cư mới được hình thành và kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng của huyện, như: khu đô thị Tràng Duệ; khu đô thị tại xã Đồng Thái; khu đô thị phức hợp sinh thái, giải trí, thể thao, du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Bắc Sơn và Nam Sơn,... Diện mạo đô thị khang trang và thay đổi mạnh mẽ; công tác chăm sóc y tế, giáo dục đào tạo phát triển; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, nâng cao; công tác xoá đói giảm nghèo được quan tâm chú trọng, tỷ lệ hộ nghèo trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2020 - 2022 của huyện thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều 03 năm toàn thành phố; thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 70 triệu đồng gấp 1,27 lần so với cả nước; thu ngân sách hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Mặc dù có nhiều tiềm năng để phát triển nhưng huyện An Dương hiện nay vẫn đang là đơn vị hành chính nông thôn, mô hình quản lý chính quyền không còn phù hợp, không đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới và hiện trạng phát triển. Thành lập quận tại huyện An Dương để thiết lập bộ máy chính quyền phù hợp, thực hiện tốt hơn nữa các chức năng về quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu đô thị hóa, tạo điều kiện phát huy các tiềm năng, lợi thế sẵn có của huyện và nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý như: quản lý công nghiệp, thương mại, dịch vụ; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; cảnh quan và bảo vệ môi trường... đồng thời, để đảm bảo cho mục tiêu, định hướng phát triển và hoàn thành tốt các nhiệm vụ, khơi dậy các tiềm năng sẵn có; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện An Dương nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.

Thành lập quận An Dương trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện An Dương là phù hợp với hiện trạng phát triển và tốc độ đô thị hóa của huyện trong thời gian qua; phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng. Thành lập quận An Dương hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành, tương xứng với vị thế địa chính trị, địa kinh tế, văn hóa, xã hội. Từ những thực trạng nêu trên, việc thành lập quận An Dương là cần thiết và đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn.

### 3. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc quận An Dương

Huyện An Dương có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn (An Dương) và 15 xã (An Hòa, An Hồng, An Hưng, An Đồng, Bắc Sơn, Đại Bản, Đặng Cương, Đồng Thái, Hồng Phong, Hồng Thái, Lê Lợi, Lê Thiện, Nam Sơn, Quốc Tuấn, Tân Tiến). Cùng với sự phát triển chung của huyện, nền kinh tế - xã hội của các xã, thị trấn đã có những bước phát triển mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn các xã chiếm tỷ lệ cao; công tác văn hóa - xã hội trên địa bàn các xã, thị trấn có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện; công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm, chú trọng; chất lượng hệ thống giáo dục, y tế ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn đã được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ đã và đang tạo không gian đô thị hiện đại. Các hệ thống trục chính đường giao thông được mở rộng, nhựa hóa, bê tông hóa 100%; hệ thống cung cấp nước sạch được đảm bảo tới từng hộ dân; 100% số hộ dân được sử dụng lưới điện quốc gia phục vụ sinh hoạt và sản xuất; các tuyến đường ngõ xóm đã được lắp đèn chiếu sáng. Cùng với đó là hệ thống các khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng phục vụ nhu cầu của người dân phát triển mạnh mẽ, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; công tác vệ sinh môi trường được quan tâm triển khai đồng bộ với mục tiêu “vì môi trường xanh, sạch, đẹp”.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đã đặt ra cho các xã nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư theo mô hình đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Từ những vấn đề trên, có thể thấy mô hình quản lý hiện nay không còn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn các xã; đòi hỏi phải có mô hình chính quyền phù hợp để quản lý. Thành lập các phường trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, thị trấn sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính Nhà nước trên địa bàn theo hướng tập trung, thống nhất, nâng cao hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn.

Hơn thế nữa theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, khi thành lập quận An Dương phải đảm bảo tiêu chuẩn 100% đơn vị hành chính cấp xã đều là phường. Từ thực tế đó, việc thành lập các phường là yêu cầu cấp bách và cần thiết, nhằm tổ chức bộ máy chính quyền phù hợp trong quản lý điều hành, phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, phù hợp các quy hoạch đã được phê duyệt và đảm bảo theo các quy định hiện hành.

### 4. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện An Dương và quận Hồng Bàng

Quận Hồng Bàng nằm tại khu vực trung tâm của thành phố Hải Phòng và tiếp giáp trực tiếp với  sông Cấm - đây là vị trí quan trọng về chính trị, hành chính, kinh tế, an ninh quốc phòng và văn hoá - xã hội đối với Thành phố Hải Phòng. Với vị trí địa lý đặc thù của quận cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nổi trội là phát triển các ngành công nghiệp, có công nghệ kỹ thuật cao như công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu biển, luyện, cán thép, sản xuất cáp ngầm điện cao thế, hoá chất.… Đồng thời phát triển hệ thống cảng sông thuận tiện cho việc giao lưu vận tải bằng đường sông, đường biển tới các vùng trong cả nước và quốc tế. Phát triển hoạt động dịch vụ thương mại của đô thị trung tâm và dịch vụ du lịch kết nối theo tua, tuyến trong nước và quốc tế.

Trên địa bàn quận có đường quốc lộ 5 đi qua, nối liền các KCN trên địa bàn quận và khu vực huyện Thuỷ Nguyên, đi vào khu vực trung tâm đô thị Hải Phòng, tạo thuận lợi để quy hoạch phát triển các khu dân cư đô thị mới đồng bộ hiện đại và khu dịch vụ theo các trục quốc lộ chính ra, vào thành phố. Nhờ có vị trí địa lý, hệ thống giao thông thuận lợi, trong nhiều năm qua, quận Hồng Bàng có bước phát triển vượt bậc, đột phá; diện mạo đô thị có nhiều chuyển biến rõ nét theo hướng văn minh, hiện đại, không gian được mở rộng; nhiều dự án, công trình được đầu tư xây dựng với quy mô lớn góp phần quan trọng, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và nâng cao đời sống người dân.

Trên địa bàn xã An Hồng có tuyến quốc lộ 10 chạy qua nối liền các quận, huyện với các trung tâm kinh tế, thương mại và văn hoá; xã Đại Bản và An Hưng kết nối với quận Hồng Bàng qua tuyến quốc lộ 5 - là đường giao thông huyết mạch nối cụm cảng Hải Phòng với Thủ đô Hà Nội. Với vị trí địa lý tiềm năng về giao thông, nguồn nhân lực cũng như tiềm năng phát triển công nghiệp, nhiều năm trở lại đây, 03 xã có tốc độ phát triển rất nhanh chóng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ; phát triển mạnh các ngành nghề kinh doanh - thương mại, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tổng thu ngân sách hàng năm của các xã đều đảm bảo chỉ tiêu đề ra; hệ thống nhà ở, đường giao thông, điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh, các công trình công cộng được đầu tư xây dựng đồng bộ, cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn của phường thuộc quận.

Theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định “… phát triển quận Hồng Bàng mở rộng sang huyện An Dương, hình thành một khu dân dụng lớn và khu đào tạo, nghỉ dưỡng của cửa ngõ thành phố …”. Ngày 12 tháng 6 năm 2023, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thống nhất Kết luận số 250/KL-TU, đồng ý chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính giữa quận Hồng Bàng và huyện An Dương như đề xuất của Ban Cán sự Đảng UBND thành phố với phương án: “điều chỉnh địa giới hành chính 03 xã Đại Bản, An Hồng, An Hưng của huyện An Dương để mở rộng quận Hồng Bàng, hoàn thành trước năm 2025”. Do vậy, việc điều chỉnh 03 đơn vị hành chính cấp xã: Đại Bản, An Hồng, An Hưng để mở rộng địa giới hành chính quận Hồng Bàng là phù hợp với các định hướng, chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước; nhằm đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc của quận theo quy định. Đồng thời, mở rộng không gian phát triển đô thị tạo điều kiện để thu hút, xúc tiến mạnh mẽ môi trường đầu tư, huy động hiệu quả các nguồn lực để đầu tư các trung tâm thương mại, dịch vụ chất lượng cao cho khu vực mở rộng, làm giảm áp lực lên hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị khu vực trung tâm. Đây cũng là bước đệm, cú hích để quận Hồng Bàng phát triển toàn diện hơn nữa trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch; bảo tồn, tôn tạo các không gian, các công trình kiến trúc có giá trị cao, cải tạo cảnh quan, nâng cấp hạ tầng để tạo dựng được bản sắc của một đô thị có bề dày lịch sử; tái thiết khu vực bờ Nam sông Cấm thành một dải cảnh quan văn hoá, hiện đại góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của thành phố Hải Phòng.

Từ những vấn đề nêu trên, việc điều chỉnh 03 đơn vị hành chính cấp xã của huyện An Dương để mở rộng địa giới hành chính quận Hồng Bàng là thực sự cần thiết; đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương.

**Phần thứ hai** **HIỆN TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN**

**I. HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN**

### 1. Thành phố Hải Phòng

Theo số liệu thống kê của thành phố Hải Phòng, tính đến ngày 31/12/2022, thành phố Hải Phòng có 1.526,51 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 2.310.280 nghìn người; có 15 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, gồm: 07 quận (Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An, Hồng Bàng, Kiến An, Lê Chân, Ngô Quyền), 08 huyện (An Dương, An Lão, Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo); 217 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 66 phường, 10 thị trấn và 141 xã.

### 2. Huyện An Dương

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, huyện An Dương có 104,26 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 227.505 người. Toàn huyện có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm: thị trấn An Dương (huyện lỵ) và 15 xã (An Đồng, An Hòa, An Hồng, An Hưng, Bắc Sơn, Đại Bản, Đặng Cương, Đồng Thái, Hồng Phong, Hồng Thái, Lê Lợi, Lê Thiện, Nam Sơn, Quốc Tuấn, Tân Tiến).

### 3. Quận Hồng Bàng

Theo số liệu thống kê của quận Hồng Bàng, tính đến 31/12/2022, quận Hồng Bàng có 14,42 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 121.469 người, có 09 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (09 phường) với tên gọi như sau: Hạ Lý, Hoàng Văn Thụ, Hùng Vương, Minh Khai, Phan Bội Châu, Quán Toan, Sở Dầu, Thượng Lý, Trại Chuối.

### 4. Các đơn vị hành chính có liên quan

4.1. Xã An Đồng

 Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã An Đồng có 6,92 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.309 người.

4.2. Xã An Hòa

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã An Hòa có 9,41 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.527 người.

4.3. Xã Đồng Thái

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Đồng Thái có 5,60 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.436 người.

4.4. Xã Hồng Thái

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Hồng Thái có 7,08 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.374 người.

4.5. Xã Hồng Phong

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Hồng Phong có 9,57 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.503 người.

4.6. Xã Lê Thiện

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Lê Thiện có 7,07 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.378 người.

4.7. Thị trấn An Dương

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, thị trấn An Dương có 2,05 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.192 người.

4.8. Xã Lê Lợi

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Lê Lợi có 5,50 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.219 người.

4.9. Xã Bắc Sơn

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Bắc Sơn có 4,67 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.136 người.

4.10. Xã Nam Sơn

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Nam Sơn có 4,16 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 12.336 người.

4.11. Xã Đặng Cương

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Đặng Cương có 5,09 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.048 người.

4.12. Xã Quốc Tuấn

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Quốc Tuấn có 7,01 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.861 người.

4.13. Xã Tân Tiến

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Tân Tiến có 4,65 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.144 người.

4.14. Xã An Hồng

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã An Hồng có 8,30 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.184 người.

4.15. Xã An Hưng

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã An Hưng có 5,55 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.499 người.

 4.16. Xã Đại Bản

Theo số liệu thống kê của huyện An Dương, tính đến ngày 31/12/2022, xã Đại Bản có 11,56 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 20.359 người.

**II. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THEO QUY ĐỊNH**

**1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã**

Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đó là:

- Phù hợp với chủ trương của Trung ương trong giai đoạn hiện nay về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã[[2]](#footnote-2). Đồng thời phù hợp với định hướng quy hoạch chung xây dựng khi được phê duyệt.

- Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo sự đồng nhất về các yếu tố: truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội. Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã nhằm góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn.

- Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã cũng được các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn đồng tình ủng hộ.

**2. Thành lập quận và thành lập các phường thuộc quận**

Việc thành lập quận và thành lập các phường thuộc quận An Dương đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đó là:

- Phù hợp với Kế hoạch phát triển đô thị toàn quốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021; Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 và các Quy hoạch tại huyện An Dương.

- Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các xã sau khi được lên phường.

- Thành lập quận và thành lập các phường thuộc quận sẽ phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá,... Từ đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe,... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt. Với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

- Thành lập quận và thành lập các phường thuộc quận sẽ tạo điều kiện tốt hơn trong công tác bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

- Đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương; tạo sự thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn.

**3. Tiêu chuẩn thành lập quận và các phường thuộc quận**

3.1. Tiêu chuẩn thành lập quận An Dương

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15, thì huyện An Dương cần đáp ứng được 5/5 tiêu chuẩn để thành lập quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

 *(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

3.2. Tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc quận

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì các khu vực dự kiến thành lập phường thuộc quận An Dương đã cơ bản đạt tiêu chuẩn đê thành lập phường thuộc quận.

*(chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)*

**Phần thứ ba****PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CẤP XÃ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP QUẬN AN DƯƠNG**

**I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP VÀ THÀNH LẬP**

### 1. Phương án thành lập quận An Dương

Thành lập quận An Dương trên cơ sở 10 phường

Thành lập quận An Dương trên cơ sở nguyên trạng 78,84 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 176.463 người của 10 phường: An Đồng, An Hòa, Đồng Thái, Hồng Thái, Hồng Phong, Lê Thiện, Lê Lợi, Nam Sơn, An Hải, Tân Tiến.

Địa giới hành chính quận An Dương: Đông giáp quận Hồng Bàng và quận Lê Chân; Tây giáp huyện [Kim Thành](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_Th%C3%A0nh), tỉnh [Hải Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng) và huyện An Lão; Nam giáp quận Kiến An; Bắc giáp thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và huyện Thủy Nguyên.

### 2. Phương án thành lập 10 phường thuộc quận An Dương

2.1. Phương án thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng

a) Phường An Đồng

Thành lập phường An Đồng trên cơ sở toàn bộ 6,92 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.309 người của xã An Đồng.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Lam Sơn, quận Lê Chân; Tây giáp phường Lê Lợi; Nam giáp phường Lãm Hà, quận Kiến An và phường Đồng Thái; Bắc giáp phường Hùng Vương, phường Sở Dầu, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng.

b) Phường An Hòa

Thành lập phường An Hòa trên cơ sở toàn bộ 9,41 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.527 người của xã An Hòa.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hồng Phong; Tây giáp xã Tam Kỳ huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; Nam giáp xã Trường Thành, huyện An Lão; Bắc giáp phường Lê Thiện.

c) Phường Đồng Thái

Thành lập phường Đồng Thái trên cơ sở toàn bộ 5,60 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.436 người của xã Đồng Thái.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Lãm Hà, quận Kiến An; Tây giáp phường An Hải và phường Lê Lợi; Nam giáp giáp phường Quán Trữ, quận Kiến An và phường Hồng Thái; Bắc giáp phường Lê Lợi và phường An Đồng.

d) Phường Hồng Thái

Thành lập phường Hồng Thái trên cơ sở toàn bộ 7,08 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.374 người của xã Hồng Thái.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Đồng Thái; Tây giáp phường An Hải; Nam giáp xã Trường Sơn, huyện Lạch Tray và phường Ngọc Sơn, Bắc Sơn quận Kiến An; Bắc giáp phường An Hải.

đ) Phường Hồng Phong

Thành lập phường Hồng Phong trên cơ sở toàn bộ 9,57 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.503 người của xã Hồng Phong.

Địa giới hành chính: Đông giáp các phường Tân Tiến, Nam Sơn; Tây giáp phường An Hòa; Nam giáp xã Trường Thành, huyện An Lão và phường Lê Lợi; Bắc giáp phường Lê Thiện và phường Tân Tiến.

e) Phường Lê Thiện

Thành lập phường Lê Thiện trên cơ sở toàn bộ 7,07 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.378 người của xã Lê Thiện.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Đại Bản; Tây giáp các xã Kim Tân và xã Kim Lương huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; Nam giáp các phường Hồng Phong và phường An Hòa; Bắc giáp phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2.2. Phương án sắp xếp các xã và thành lập các phường

a) Phường Lê Lợi

Thành lập phường Lê Lợi trên cơ sở toàn bộ 2,05 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.192 người của thị trấn An Dương và toàn bộ 5,50 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 7.219 người của xã Lê Lợi.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường An Đồng và phường Đồng Thái; Tây giáp xã Trường Thành, huyện An Lão; Nam giáp phường Đồng Thái và phường An Hải; Bắc giáp phường Hồng Phong và phường Nam Sơn.

Cơ sở lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: thị trấn An Dương và xã Lê Lợi là 02 đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Năm 1987, thị trấn An Dương được thành lập trên cơ sở tách một phần lớn diện tích và dân số từ xã Lê Lợi và một phần của xã Đồng Tâm, Nam Sơn, Đồng Thái. Do vậy việc sáp nhập thị trấn An Dương và xã Lê Lợi là phù hợp với lịch sử và quy hoạch để xây dựng, thành lập phường trung tâm của quận.

b) Phường Nam Sơn

Thành lập phường Nam Sơn trên cơ sở toàn bộ 3,27 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 9.646 người của khu vực 2 xã Bắc Sơn và toàn bộ 4,17 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 12.336 người của xã Nam Sơn.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng; Tây giáp các phường Hồng Phong; Nam giáp phường Lê Lợi và phường An Đồng; Bắc giáp phường Quán Toan, quận Hồng Bàng và phường Tân Tiến.

Cơ sở lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: quốc lộ 10 chạy qua xã Bắc Sơn, chia Bắc Sơn thành hai khu vực. Việc chia tách xã Bắc sơn lấy quốc lộ 10 làm lộ giới sẽ tạo thuân lợi cho việc quản lý sau này. Xã Nam Sơn và khu vực 2 xã Bắc Sơn có vị trí tiếp giáp nhau, việc nhập sẽ đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cho đơn vị hành chính mới. Bên cạnh đó người dân 02 địa phương lao động và sinh sống xen canh, xen cư; có lịch sử, truyền thống, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tương đồng.

c) Phường An Hải

Thành lập phường An Hải trên cơ sở toàn bộ 5,09 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 9.048 người của xã Đặng Cương và toàn bộ 7,01 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.861 người của xã Quốc Tuấn.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Đồng Thái; Tây giáp thị trấn Trường Sơn và các xã An Tiến, Trường Thành thuộc huyện An Lão; Nam giáp thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão; Bắc giáp phường Lê Lợi.

Cơ sở lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Đặng Cương và xã Quốc Tuấn là 02 đơn vị hành chính tiếp giáp nhau và có chiều dài tiếp giáp lớn, việc nhập sẽ đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định. Bên cạnh đó người dân 02 địa phương lao động và sinh sống xen canh, xen cư; có lịch sử, truyền thống, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tương đồng. Bên cạnh đó, xã Quốc Tuấn một mặt giáp sông Lạch Tray, một mặt giáp xã Đặng Cương là địa phương có hạ tầng giao thông còn gặp khó khăn trong việc kết nối với các trung tâm, các vùng kinh tế của huyện. Việc nhập 02 đơn vị hành chính để thành lập phường mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

d) Phường Tân Tiến

Thành lập phường Tân Tiến trên cơ sở toàn bộ 4,65 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 15.144 người của xã Tân Tiến và toàn bộ 1,395 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 490 người của khu vực 1 xã Bắc Sơn.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Quán Toan, quận Hồng Bàng và phường Nam Sơn; Tây giáp phường Hồng Phong; Nam giáp phường Nam Sơn, phường Hồng Phong; Bắc giáp phường Lê Thiện, phường An Hưng.

Cơ sở lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: quốc lộ 10 chạy qua xã Bắc Sơn, chia Bắc Sơn thành hai khu vực. Việc chia tách xã Bắc sơn lấy quốc lộ 10 làm lộ giới sẽ tạo thuân lợi cho việc quản lý sau này. Xã Tân Tiến và khu vực 1 xã Bắc Sơn là có địa giới hành chính tiếp giáp nhau, việc nhập sẽ đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cho đơn vị hành chính mới. Bên cạnh đó người dân 02 địa phương lao động và sinh sống xen canh, xen cư; có lịch sử, truyền thống, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tương đồng.

**3. Phương án điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện An Dương và quận Hồng Bàng, thành lập các phường thuộc quận Hồng Bàng**

Điều chỉnh nguyên trạng 8,31 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.184 người của xã An Hồng; 5,56 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15,499 người của xã An Hưng; 11,56 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 20,359 người của xã Đại Bản về quận Hồng Bàng quản lý.

**4. Phương án thành lập các phường thuộc quận Hồng Bàng**

4.1. Phường An Hồng

Thành lập phường An Hồng trên cơ sở nguyên trạng 8,30 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.184 người của xã An Hồng hiện có.

Địa giới hành chính: Đông giáp các xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên; Tây giáp phường An Hưng; Nam giáp phường Quán Toan; Bắc giáp phường Đại Bản.

4.2. Phường An Hưng

Thành lập phường An Hưng trên cơ sở nguyên trạng 5,56 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.499 người của xã An Hưng hiện có.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường An Hồng; Tây giáp phường Tân Tiến, quận An Dương; Nam giáp phường Quán Toan; Bắc giáp phường Đại Bản.

4.3. Phường Đại Bản

Thành lập phường Đại Bản trên cơ sở nguyên trạng 11,56 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 20.359 người của xã Đại Bản hiện có.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hợp Thành và xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên; Tây giáp phường Lê Thiện, quận An Dương; Nam giáp phường An Hưng, An Hồng; Bắc giáp xã Minh Hòa và phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

## II. KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CẤP XÃ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP QUẬN AN DƯƠNG

### 1. Thành phố Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc (giảm 01 huyện và tăng 01 quận), nhưng có sự thay đổi về số lượng đơn vị hành chính cấp xã tại quận An Dương (giảm 15 xã và 01 thị trấn, tăng 10 phường), số đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng: 213 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 79 phường, 09 thị trấn và 125 xã.

### 2. Quận An Dương

Quận An Dương sau khi thành lập, điều chỉnh có 78,84 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 176.463 người, có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 10 phường với tên gọi như sau: An Đồng, An Hòa, Đồng Thái, Hồng Thái, Hồng Phong, Lê Thiện, Lê Lợi, Nam Sơn, An Hải, Tân Tiến.

### 3. Quận Hồng Bàng

Quận Hồng Bàng sau khi điều chỉnh có 39,85 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 172.511 người, có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc gồm: 09 phường hiện hữu: Hạ Lý, Hoàng Văn Thụ, Hùng Vương, Minh Khai, Phan Bội Châu, Quán Toan, Sở Dầu, Thượng Lý, Trại Chuối và 03 phường mới: An Hưng, An Hồng, Đại Bản (thành lập sau khi điều chỉnh về).

# Phần thứ tưKẾT LUẬN

Huyện An Dương là cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Hải Phòng, là trung tâm công nghiệp, công nghệ cao của thành phố, có vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đã có những tác động tích cực đến sự phát triển của các xã, thị trấn trên địa bàn; đã làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập phường để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đô thị. Việc thành lập quận An Dương và thành lập các phường thuộc quận An Dương là phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của huyện và các xã, thị trấn trong thời gian qua. Thành lập quận và thành lập các phường thuộc quận cũng đã đảm bảo theo quy định hiện hành, phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; phù hợp với Đồ án Quy hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với mục tiêu tại Nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố, huyện đặt ra. Đồng thời, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền, Nhân dân huyện An Dương nói riêng và Nhân dân thành phố Hải Phòng nói chung.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường, thành lập quận An Dương và điều chỉnh địa giới hành chính huyện An Dương và quận Hồng Bàng phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã nhằm giảm số lượng đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030. Đồng thời cụ thể hóa mục tiêu xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị ban hành tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngay 24/01/2019; cụ thể hóa định hướng xây dựng, phát triển thanh phố Hải phòng theo điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và thực hiện Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 07/11/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là tiền đề quan trọng để An Dương, Hồng Bàng phát triển nhanh hơn, toàn diện hơn trong thời gian tới, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành mục tiêu xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước.

**Phụ lục I**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP QUẬN AN DƯƠNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chuẩn**  | **Đơn vị** | **Mức quy định** | **Hiện trạng** | **Đánh giá** |
| **1** | **Quy mô dân số** | Người | 150.000 | 176.463 | Đạt |
| **2** | **Diện tích tự nhiên** | Km2 | 35 | 78,84 | Đạt |
| **3** | **Số phường trực thuộc** | Đơn vị | 10 | 10 | Đạt |
| **4** | **Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội**  | **Đạt 6/6** |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Dư | Dư | Đạt |
| 2 | Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước  | Lần | 1,05 | 1,27 | Đạt |
| 3 | Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất  | % | Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (11,84%) | 16,52 | Đạt |
| 4 | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (0,83%) | 0,76 | Đạt |
| 5 | Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế | % | 90 | 99,59 | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực dự kiến thành lập quận | % | 90 | 90,72 | Đạt |
| **5** | **Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị**  | **Đạt 22/25** |
| **I** | **Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội** | **Đạt 9/9** |
| 1 | Tỷ lệ nhà ở kiên cố | % | ≥ 90 | 100,00 |  Đạt |
| 2 | Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người | m2 /người | ≥ 4 | 7,22 |  Đạt |
| 3 | Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người | m2 /người | ≥ 1,5 | 4,02 |  Đạt |
| 4 | Công trình y tế (bệnh viện, trung tâm y tế cấp huyện)  |   | Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của huyện NTM trở lên | Huyện An Dương đã đạt chuẩn NTM | Đạt |
| 5 | Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề) | Cơ sở | ≥ 7 | 7 |  Đạt |
| 6 | Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia |   | Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của huyện NTM nâng cao trở lên: 100% trường THPT đạt chuẩn mức độ 1; trong đó có ít nhất 1 trường mức độ 2 | Đạt | Đạt |
| 7 | Công trình văn hóa cấp đô thị | Công trình | ≥ 2 | 4 |  Đạt |
| 8 | Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị | Công trình | ≥ 2 | 2 |  Đạt |
| 9 | Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị | Công trình | ≥ 2 | 2 |  Đạt |
| **II** | **Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị** |   | **Đạt 5/6** |
| 1 | Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy từ 6 m trở lên) | Km/km2 | ≥ 5 | 5,44 |  Đạt |
| 2 | Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực) | % | ≥ 95 | 100,00 |  Đạt |
| 3 | Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng | % | ≥ 70 | 81,83 |  Đạt |
| 4 | Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh | % | ≥ 90 | 100 |  Đạt |
| 5 | Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang |   | ≥ 70 | 71,62 |  Đạt |
| 6 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình |   | ≥ 35 | 11,70 | Chưa đạt |
| **III** | **Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường** |   | **Đạt 4/5**  |
| 1 | Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục | % | ≥ 20 | Không có điểm ngập úng |  Đạt |
| 2 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật  | % | ≥ 20 | 0,0 | Chưa đạt |
| 3 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 90 | 98,03 |  Đạt |
| 4 | Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | % | ≥ 30 | 39,43 |  Đạt |
| 5 | Đất cây xanh công cộng trên địa bàn quận bình quân đầu người | m2/người | ≥ 4 | 4,82 |  Đạt |
| **IV** | **Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị** |   | **Đạt 4/5**  |
| 1 | Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị | % | ≥ 40 | 65,55 |  Đạt |
| 2 | Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện | Dự án | ≥ 2 | 27 |  Đạt |
| 3 | Số lượng không gian công cộng của đô thị | Khu | ≥ 3 | 5 |  Đạt |
| 4 | Công trình kiến trúc tiêu biểu | Công trình | ≥ 1 | 42 |  Đạt |
| 5 | Công trình xanh | Công trình | ≥ 1 | Chưa có | Chưa đạt |

**Phục lục II**

**Bảng đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc quận An Dương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chuẩn** | **Đơn vị** | **Mức quy định** | **Xã An Đồng** | **Xã An Hòa** | **Xã Đồng Thái** | **Xã Hồng Thái** | **Xã Hồng Phong** |
| **1** | **Quy mô dân số** | **Người** | **15.000** | **25.331** | **15.232** | **15.187** | **15.253** | **15.318** |
| **2** | **Diện tích tự nhiên** | **Km2** | **5,5** | **6,93** | **9,41** | **5,60** | **7,09** | **9,58** |
| **3** | **Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội** |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Dư | Dư | Dư | Dư |
| 3.2 | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,83%) | 0,76 | 0,79 | 0,00 | 0,79 | 0,79 |
| 3.3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp  | % | 85 | 96,50 | 86,20 | 87,10 | 85,41 | 89,10 |
| **4** | **Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị** |  |  | **Đạt 11/13** | **Đạt 11/13** | **Đạt 13/13** | **Đạt 12/13** | **Đạt 13/13** |
| 4.1 | Trạm y tế  | Công trình | 01 công trình theo quy định Bộ Y tế | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 4.2 | Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa) | Công trình | 02 công trình theo quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng | 5 | 2 | 2 | 0 | 3 |
| 4.3 | Cơ sở giáo dục | % | 100% công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên |
| 4.4 | Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 1,8 | 1,10 | 1,73 | 1,91 | 1,93 | 2,49 |
| 4.5 | Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 1 | 0,66 | 1,05 | 1,04 | 1,10 | 1,55 |
| 4.6 | Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người  | Kwh/người/năm | ≥ 750 | 1587 | 828 | 834 | 775 | 919 |
| 4.7 | Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 9 | 15,29  | 8,16  | 13,71  | 12,37  | 9,38  |
| 4.8 | Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ) | % | ≥ 95 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 4.9 | Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 2 | 3,10 | 2,06 | 2,05 | 2,03 | 2,03 |
| 4.10 | Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 4.11 | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | % | Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã NTM nâng cao trở lên: khu vực đồng bằng sông Hồng > 50% | 94,77 | 92,54 | 92,40 | 90,65 | 91,57 |
| 4.12 | Mật độ đường cống thoát nước chính | km/km2 | ≥ 4 | 4,35 | 7,25 | 6,76 | 6,83 | 10,14 |
| 4.13 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 90 | 95,38 | 100 | 100 | 100 | 100 |

**Phục lục II (tiếp)**

**Bảng đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc quận An Dương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chuẩn** | **Đơn vị** | **Mức quy định** | **Xã Lê Thiện** | **TT An Dương + xã Lê Lợi** | **Xã Nam Sơn + KV 2 xã Bắc Sơn** | **Xã Đặng Cương + xã Quốc Tuấn** | **Xã Tân Tiến + KV 1 xã Bắc Sơn** |
| **1** | **Quy mô dân số** | **Người** | **15.000** | **15.377** | **18.156** | **17.374** | **18.161** | **15.838** |
| **2** | **Diện tích tự nhiên** | **Km2** | **5,5** | **7,07** | **7,57** | **7,44** | **12,11** | **6,05** |
| **3** | **Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội** |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Dư | Dư | Dư | Dư |
| 3.2 | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,83%) | 0,79 | 0,79 | 0,77 | 0,79 | 0,77 |
| 3.3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp  | % | 85 | 92,99 | 89,29 | 91,44 | 87,88 | 91,55 |
| **4** | **Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị** |  |  | **Đạt 11/13** | **Đạt 13/13** | **Đạt 12/13** | **Đạt 11/13** | **Đạt 12/13** |
| 4.1 | Trạm y tế  | Công trình | 01 công trình theo quy định Bộ Y tế | 1 | 2 | 2 | 2 | 1 |
| 4.2 | Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa) | Công trình | 02 công trình theo quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng | 0 | 6 | 2 | 1 | 2 |
| 4.3 | Cơ sở giáo dục | % | 100% công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên |
| 4.4 | Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 1,8 | 1,14 | 3,27 | 2,05 | 2,58 | 1,57 |
| 4.5 | Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 1 | 1,01 | 3,73 | 1,75 | 2,28 | 1,21 |
| 4.6 | Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người  | Kwh/người/năm | ≥ 750 | 764 | 1003 | 1193 | 940 | 754 |
| 4.7 | Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 9 | 9,21  | 12,65  | 16,65  | 13,78  | 11,65  |
| 4.8 | Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ) | % | ≥ 95 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 4.9 | Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 2 | 2,01 | 11,10 | 2,54 | 1,57 | 2,65 |
| 4.10 | Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 4.11 | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | % | Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã NTM nâng cao trở lên: khu vực đồng bằng sông Hồng > 50% | 90,74 | 94,86 | 91,79 | 92,46 | 92,44 |
| 4.12 | Mật độ đường cống thoát nước chính | km/km2 | ≥ 4 | 6,30 | 5,89 | 4,26 | 4,10 | 4,12 |
| 4.13 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 90 | 100 | 100 | 100 | 91,61 | 100 |

**Phục lục III**

**Bảng đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc quận Hồng Bàng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chuẩn** | **Đơn vị** | **Mức quy định** | **Xã An Hồng** | **Xã An Hưng** | **Xã Đại Bản** |
| **1** | **Quy mô dân số** | **Người** | **15.000** | **15.252** | **15.169** | **19.580** |
| **2** | **Diện tích tự nhiên** | **Km2** | **5,5** | **8,305** | **5,557** | **11,564** |
| **3** | **Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội** |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Đủ | Đủ | Đủ |
| 3.2 | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,83%) | 0,79 | 0,78 | 0,79 |
| 3.3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp  | % | 85 | 87,93 | 93,01 | 90,89 |
| **4** | **Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị** |  |  | **Đạt 11/13** | **Đạt 12/13** | **Đạt 11/13** |
| 4.1 | Trạm y tế  | Công trình | 01 công trình theo quy định Bộ Y tế | 1 | 1 | 1 |
| 4.2 | Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa) | Công trình | 02 công trình theo quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng | 0 | 1 | 2 |
| 4.3 | Cơ sở giáo dục | % | 100% công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên | 100% đạt mức độ 1 trở lên |
| 4.4 | Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 1,8 | 1,14 | 1,834 | 1,51 |
| 4.5 | Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 1 | 1,47 | 1,02 | 1,06 |
| 4.6 | Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người  | Kwh/người/năm | ≥ 750 | 819,20 | 768,15 | 950 |
| 4.7 | Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 9 | 15,33  | 11,89  | 16,01  |
| 4.8 | Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ) | % | ≥ 95 | 21 | 46 | 29 |
| 4.9 | Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người | m2/người | ≥ 2 | 2,01 | 2,04 | 0,27 |
| 4.10 | Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | 100 | 100 |
| 4.11 | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | % | Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã NTM nâng cao trở lên: khu vực đồng bằng sông Hồng > 50% | 90,99 | 95,61 | 93,69 |
| 4.12 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 4 | 4,47 | 6,28 | 5,26 |
| 4.13 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 90 | 100 | 100 | 100,00 |

1. Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã. [↑](#footnote-ref-2)